

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HS-ST

Ngày: 20-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hiến Cương**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1- Ông **Đào Văn Hiến**
 - 2- Ông **Mai Văn Thanh**

Thư ký phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thi** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Tuấn Kiệt** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Huyện, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Nhựt T (T Gạo)**, sinh năm 1991; tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở khóm B, thị trấn MA, huyện X, Đồng Tháp; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Thu TH, sinh năm 1974 (còn sống); có vợ tên Lê D, sinh năm 1991 và có 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự không; tạm giữ ngày 22/3/2018; tạm giam ngày 31/3/2018; bị cáo còn bị tạm giam và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đặng Văn L (E)**, sinh năm 1988; tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở khóm A, thị trấn MA, huyện X, Đồng Tháp; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964 (còn sống) và bà Dương Thị N, sinh năm 1968 (còn sống); vợ, con chưa có; tiền án không; có 01 tiền sự (ngày 19/3/2018, bị Tòa án huyện Tháp Mười ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng, hiện chưa chấp hành), tạm

giữ ngày 22/3/2018; tạm giam ngày 31/3/2018; bị cáo còn bị tạm giam và có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. **Bùi Thị Tố NU** - sinh năm: 1988. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Nguyễn Văn O** - sinh năm: 1981. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp MTA, xã MA, huyện X, Đồng Tháp.

3. **Võ Thị U** - sinh năm: 1973. (vắng mặt)

HKTT: Thôn TB 2, xã PT, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: Thôn K T, HD, NH, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Hà Nhật X - sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã MĐ, huyện X, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, Nguyễn Nhật T do không có tiền để chuộc lại xe đang cầm cho anh Hà Nhật X với số tiền 1.200.000 đồng, nên rủ Đặng Văn L đi tìm tài sản để lấy trộm thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63V3-0525, chở T đi trên tuyến đường nông thôn từ ấp MP A đến ấp MTA, xã MA, huyện X, để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang nhà của chị Bùi Thị Tố NU (địa chỉ ấp MTA, xã MA) thì phát hiện nhà của chị Tố NU đóng cửa không người trông giữ. L dừng xe lại, T xuống xe vào quan sát phát hiện một điện thoại Samsung Galaxy màu trắng của anh Nguyễn Văn O (chồng chị Tố NU) và 01 điện thoại Nokia 530 màu cam của chị Tố NU đang để ở trên bàn tròn sát vách nhà. T sử dụng một con dao cạy vách gỗ bung ra tạo thành một khoảng trống, T đưa tay vào bên trong lấy hai điện thoại nêu trên rồi ra xe đưa cho L cất giữ.

Sau đó, L tiếp tục điều khiển xe chở T đi về hướng ấp 5, xã ĐBK, huyện X, thì phát hiện xe ô tô tải mang biển kiểm soát 47L-6581 của chị Võ Thị NU đang đậu trên lộ đal, không người trông coi. L quay đầu xe lại chạy đến dừng cạnh đầu xe tải, T xuống xe quan sát qua kính chắn gió bên trái phát hiện một túi xách màu hồng, nên lấy trộm rồi lên xe L chở đi. Lúc này, chị U phát hiện L và T lấy trộm tài sản của mình, nên truy hô và đuổi theo nhưng không đuổi kịp. L và T đem các tài sản trộm được của chị U đến ấp MPA, xã MA, kiểm tra thì biết trộm được 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 cục sạc dự phòng, 01 dây cáp điện thoại, 01 bóp da, 01 mắt kính, bộ dụng cụ trang điểm, mỹ phẩm và nhiều giấy tờ cá nhân của chị U. T giữ 2.000.000 đồng và điện thoại Iphone 6 còn các vật dụng còn lại thì để lại tại gốc cây gần đó. Số tiền 2.000.000 đồng, T

đến ấp 5, xã MĐ, huyện X đưa cho anh Hà Nhật X 1.300.000 đồng để chuộc xe và tiêu xài cá nhân còn lại 100.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm tài sản, chị Bùi Thị Tố NU và chị Võ Thị U trình báo đến Cơ quan Công an, qua thông tin của người bị hại và nhân dân cung cấp, Cơ quan công an huyện Tháp Mười tiến hành giữ khẩn cấp đối với L và T và thu giữ nhiều vật chứng liên quan.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 26, ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tháp Mười xác định: Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu trắng và điện thoại di động hiệu Nokia 530 màu cam của chị Bùi Thị Tố NU và anh Nguyễn Văn O, tại thời điểm mất trộm trị giá 1.500.000 đồng, điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, giỏ xách da màu hồng, một túi vải màu xám có hoa văn hình con voi, một ví da màu đỏ, một mắt kính màu đen, trên khung có chữ Louis Vuitton, một dây cáp điện thoại màu trắng, một cút sắt dự phòng điện thoại, mỹ phẩm các loại và bộ dụng cụ trang điểm của chị Võ Thị U tại thời điểm bị mất trộm trị giá là 5.650.000 đồng. Tổng cộng là 7.150.000 đồng.

Như vậy tổng số tài sản mà T và L trộm được của chị Tố NU, anh O và chị NU là 9.150.000 đồng.

Xe mô tô biển kiểm soát 63V3-0525, L mượn của anh Lê Thanh I, việc L sử dụng để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản anh I không biết.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Bùi Thị Tố NU, anh Nguyễn Văn O và chị Võ Thị U đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Hà Nhật X không yêu cầu T bồi thường số tiền 1.300.000 đồng.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười đã thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Nhật T: Tiền Việt Nam 100.000 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng đồng (hiện đã trả lại cho chị U), 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của T, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honada màu xanh, biển kiểm soát 64F5 – 1696, số máy 00126432, số khung WN110-00000097.

Xe mô tô này, T khai mua của một người tên Minh Thuận (không rõ họ tên, địa chỉ), qua kết quả tra cứu xác định anh Nguyễn Phước V là người đứng tên giấy đăng ký xe, hiện tại chưa làm việc được với anh V, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xe mô tô này để xác minh làm rõ.

- Thu giữ của Đặng Văn L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy (Dous) màu trắng, viền đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen – cam (Hiện đã trả lại cho chị Tố NU, anh O); 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo màu đen của L; 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển

kiểm soát 63V3 – 0525, số máy HC09E-0681817, bên trong cốp xe có một bóp da màu vàng có các giấy tờ cá nhân ghi tên Trường Văn G (Hiện đã trả lại xe mô tô này cho anh Lê Thanh I và trả các giấy tờ cho ông Trương Văn G); 01 (một) con dao cán sắt mũi bằng, dài 40cm, bề rộng lưỡi 8,5cm mà L sử dụng để cạy vách nhà của chị Tổ NU.

- Thu tại gốc cây dừa nơi L, T đem tài sản của chị U ra kiểm tra: 01 (một) túi xách da màu hồng (đã qua sử dụng), 01 (một) túi vải màu xám có hoa văn hình con voi, 01 (một) ví da màu đỏ, 01 (một) mắt kính màu đen trên khung có ghi chữ LOUIS VUITTON, 01 (một) dây cáp điện thoại, 01 (một) cục sạc dự phòng điện thoại, mỹ phẩm các loại và bộ dụng cụ trang điểm, nhiều loại giấy tờ cá nhân của chị Võ Thị U (có bản thống kê vật chứng kèm theo), hiện các tài sản và giấy tờ này đã trả lại cho chị Võ Thị U.

- Anh Hà Nhật X tự nguyện nộp lại số tiền 1.300.000 đồng mà T đưa để chuộc xe và đã trả lại chị Võ Thị U.

- Anh Nguyễn Nhựt K (Em của T) nộp thay cho T số tiền 600.000 đồng để khắc phục hậu quả và đã trả lại cho chị Võ Thị U.

Tại Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSTM ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Nhựt T (T Gạo), Đặng Văn L (E) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với các bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhựt T, Đặng Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhựt T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Đặng Văn L từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao cán sắt mũi bằng, dài 40cm, bề rộng lưỡi 8,5cm.

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Trả lại cho bị cáo L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo màu đen.

- Bị cáo T, bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của hai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, hai bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo L thừa nhận: Do không có tiền tiêu xài, nên ngày 22/3/2018, bị cáo T rủ bị cáo L đi trộm tài sản thì bị cáo L đồng ý. Hai bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm tài sản của chị Bùi Thị Tố NU, anh Nguyễn Văn O và chị Võ Thị U. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 9.150.000 đồng (theo Bản Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười). Xét lời khai của hai bị cáo phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố hai bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

[4] Xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, nhưng cần phân tích hành vi của từng bị cáo, để có mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[5] Bị cáo T là người đã thành niên, có đầy đủ sức khỏe để lao động. Đáng lý ra, bị cáo phải tìm cho mình một việc làm, để tạo ra thu nhập lo cho bản thân và gia đình. Nhưng, do nghiện ma túy và muốn có tiền mà không phải bỏ công sức lao động vất vả, nên bị cáo rủ bị cáo L cùng đi trộm tài sản. Trong vụ án này, bị cáo là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Đối với bị cáo L là người đã thành niên, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Đáng lý ra, khi bị cáo T rủ bị cáo đi trộm tài sản, bị cáo phải biết khuyên ngăn, nhưng do bị cáo nghiện ma túy và không có tiền tiêu xài, nên bị cáo cùng bị cáo T đi trộm tài sản, nên phạm tội.

[7] Do đó, hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò ngang bằng nhau.

[8] Hành vi của hai bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[9] Do đó, việc đưa hai bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần xử phạt tù hai bị cáo một thời gian, để hai bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt và sống có ích cho xã hội. Đồng thời, góp phần phòng ngừa trong toàn xã hội.

[10] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” để giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo là phù hợp với khoản i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng, bị cáo T được hưởng thêm tình tiết “*Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[11] Ngoài ra, bị cáo L bị Tòa án huyện Tháp Mười ra Quyết định số 06/2018/QĐ-TA ngày 19/3/2018 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng. Trong thời gian chờ chấp hành Quyết định, bị cáo phạm tội và bị xử phạt tù, nên miễn việc chấp hành thời hạn 12 tháng cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 06/2018/QĐ-TA ngày 19/3/2018 của Tòa án huyện Tháp Mười.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Bùi Thị Tố NU, anh Nguyễn Văn O và chị Võ Thị U đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

- Anh Hà Nhựt X không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.300.000 đồng, nên không xem xét.

[13] Về vật chứng:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao cán sắt mũi bằng, dài 40cm, bề rộng lưỡi 8,5cm.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Trả lại cho bị cáo L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo màu đen.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/6/2018).

[14] Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Hai bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nhựt T (T Gạo) và bị cáo Đặng Văn L (E) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/- Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhựt T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/3/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Đặng Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/3/2018.

Miễn việc chấp hành thời hạn 12 tháng cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 06/2018/QĐ-TA ngày 19/3/2018 của Tòa án huyện Tháp Mười, đối với bị cáo Đặng Văn Li.

3/- Về vật chứng:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao cán sắt mũi bằng, dài 40cm, bề rộng lưỡi 8,5cm.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Nhựt T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo màu đen.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/6/2018).

4/- Về án phí:

Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Nhựt T và bị cáo Đặng Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Hai bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Thi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hiến Cương